TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 - 5 - 2024
"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1984.(có mặt)

Địa chỉ: Khóm Vĩnh T, Phường C, Thị xã N, Tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh P, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:**

Giữa bà với ông Nguyễn Văn S có tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2006, tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Q, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2020. Thời gian đầu hai người sinh sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc và có 02 đứa con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Ngọc Mỹ N, sinh ngày 09/11/2019. Hiện Trọng N đang sống với ông S còn Mỹ N thì sống chung với bà. Nhưng thời gian sau thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Cả hai nhiều lần hàn gắn nhưng không được, hiện đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay.

Nay nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn S nên bà xin được ly hôn. Về con chung bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Mỹ N, sinh ngày 09/11/2019. Bà đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 25/8/2007 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định; Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày**:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hằng ngày thì vợ chồng luôn có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cải với nhau. Nay bà Đ cương quyết xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Ngọc Mỹ N, sinh ngày 09/11/2019, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do hiện ông có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Còn bà Đ thì không có nghề nghiệp ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh P, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy, việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo tốt nhất về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo sự trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2020. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là trích lục kết hôn ngày 26/01/2024 (BL 03) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân với nhau từ

năm 2021 đến nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên dơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] *Về con chung*: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày thì giữa hai người có 02 đứa con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Ngọc Mỹ N, sinh ngày 09/11/2019, hiện Trọng N đang sinh sống với bị đơn, còn Mỹ N thì sinh sống với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ N và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trọng N cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, hiện con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ N đang có cuộc sống ổn định cùng với nguyên đơn và được nguyên đơn cho đi học tại Trường Mần non Phường 3. Còn con chung Nguyễn Trọng N hiện đang sống và đi làm chung với bị đơn. Từ đó, HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống hiện tại của các con chung. Bởi việc thay đổi môi trường sống hiện tại của các cháu sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Ngoài ra, hiện bị đơn đang làm nghề thuyền trưởng, thường xuyên vắng nhà nên khó cho việc chăm sóc con chung. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ N cho nguyên đơn đươc quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung tên Nguyễn Trọng N cho bị đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho nguyên đơn và bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền này

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con, do không đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Xét về mức cấp dưỡng nuôi con thì thấy: Theo bị đơn hiện đang làm thuyền trưởng cho Doanh nghiệp tư nhân Hoa Xuân và thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng. Lời trình bày của bị đơn cũng phù hợp với các tài liệu bị đơn cung cấp là Hợp đồng lao đồng, ngày 02/01/2022 và Bảng thanh toán lương CB-CNV. Ngoài ra, hiện con chung Nguyễn Ngọc Mỹ N còn nhỏ nên nhu cầu thiết yếu phục vụ trong đời sống chưa cao. Từ đó, HĐXX xác định và buộc bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng, theo quy định tại điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn S.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ N, sinh ngày 09/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 25/8/2007 cho bị đơn ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Văn S được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở bà Đ và ông S thực hiện quyền này.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc Mỹ N, sinh ngày 09/11/2019 đến khi con chung được 18 tuổi, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2024).

Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo

biên lai thu số 0002555 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã thực hiện xong

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Vĩnh Q, thị xã N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn